

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

*PHAN VĨNH TUẤN ANH\**

*Ngày nhận bài: 09/10/2018*

*Ngày phản biện: 18/10/2018*

*Ngày đăng bài: 25/12/2018*

## **Tóm tắt:**

Việt Nam được biết đến là một trong 16 quốc gia trên thế giới có mức độ đa dạng tài nguyên sinh vật cao với nhiều loài động, thực vật đặc hữu và những tri thức truyền thống quý giá về nguồn gen được lưu truyền qua bao thế hệ. Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với nguy cơ suy thoái tài nguyên đa dạng sinh học (ĐDSH) một cách nghiêm trọng, thậm chí một số loài đã biến mất hoàn toàn trong môi trường tự nhiên. Đứng trước thực trạng đó, nhà nước đã thiết lập một hệ thống pháp lý nhằm điều chỉnh hoạt động bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm theo hướng thống nhất. Bài viết hướng đến phân tích, làm rõ những quy định của pháp luật về tài nguyên ĐDSH và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trên thực tế.

## **Từ khóa:**

Động vật nguy cấp, quý, hiếm; đa dạng sinh học; tuyệt chủng.

## **Abstract:**

Viet Nam is known to be one of 16 countries all over the world that has a variety of biological resources with lots of endemic animal and plant species. Nowadays, Viet Nam is facing the risk of serious deterioration of biological diversity resources, even some species disappeared absolutely in natural environment. Facing this situation, the state has established a legal system to regulate the conservation of endangered, precious and rare species in a unified direction. The paper aims to analyze, clarify the legal mechanisms set out and propose solutions to improve the conservation efficiency of endangered species, precious and rare in practice.

## **Key words:**

Endangered, rare, precious fauna species; biological diversity; extinction.

## **1. Đặt vấn đề**

\* *Bảo tồn*

Bảo tồn (Tiếng Anh: *preserve*) được hiểu là sự gìn giữ (cái có ý nghĩa lịch sử thuộc tài

---

\* ThS., Giảng viên Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: phanvinhtuananh@gmail.com

sản chung), không dễ bị mất mát, tổn thất<sup>1</sup>. Với cách tiếp cận này, hoạt động bảo tồn hướng đến đối tượng thực hiện là “những cái có ý nghĩa lịch sử thuộc tài sản chung”, hiểu rộng ra là những yếu tố cốt lõi góp phần xây dựng đời sống vật chất và tinh thần cho con người, hướng đến việc đảm bảo quyền và lợi ích chung cho cả cộng đồng xã hội, thay vì một cá nhân đơn lẻ. Bên cạnh việc ngăn chặn những tác động tiêu cực, gây ảnh hưởng, tổn thất đến giá trị của đối tượng, hoạt động bảo tồn còn đặt ra yêu cầu tạo điều kiện phát huy tối đa giá trị của đối tượng bảo tồn. Đây chính là đặc điểm giúp phân biệt giữa *bảo tồn* và *bảo vệ* vốn được hiểu là việc chống lại mọi sự hủy hoại, xâm phạm để giữ cho được nguyên vẹn<sup>2</sup>. Ngoài ra, chủ thể thực hiện hai hành vi này cũng hoàn toàn khác nhau. Trong khi trách nhiệm bảo vệ, thường dùng trong thuật ngữ *bảo vệ môi trường* thuộc về cộng đồng, mọi thành phần trong xã hội không có ngoại lệ thì việc bảo tồn lại là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước được trao quyền. Cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình bảo tồn này với vai trò hỗ trợ, chứ không phải chủ thể trực tiếp thực hiện. Chính yếu tố nhà nước trong hoạt động bảo tồn buộc hoạt động này phải được thực hiện theo một kế hoạch, định hướng cụ thể đáp ứng yêu cầu phát huy tối đa giá trị của đối tượng đó.

\* *Khái niệm động vật nguy cấp, quý hiếm*

Theo cách thức tiếp cận mang tính quốc tế, nguy cấp<sup>3</sup> (tiếng Anh: *Endangered*) là một trạng thái bảo tồn của sinh vật được quy định trong Sách Đỏ IUCN (Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên). Một loài hoặc nòi bị coi là *nguy cấp* (EN) khi nó phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao trong tương lai rất gần nhưng kém hơn mức cực kỳ nguy cấp (*Critically Endangered*, CE). Sách Đỏ của IUCN sử dụng hai thuật ngữ loài nguy cấp (*Endangered species*) và loài bị đe dọa (*Threaten species*) để chỉ hai hàm nghĩa riêng biệt: loài nguy cấp nằm giữa ranh giới của loài dễ bị tổn thương (*Vulnerable species*, VU) và loài cực kỳ nguy cấp (*Critically Endangered*, CE); trong khi đó, loài bị đe dọa là những loài được xác định bị tổn thương, nguy cấp hoặc cực kỳ nguy cấp. Cũng theo IUCN, một loài động vật được xem là loài nguy cấp khi nó đáp ứng một trong số các tiêu chí được đặt ra cụ thể bao gồm sự suy giảm về kích thước quần thể (*Reduction in population size*); sự biến động về phạm vi địa lý (*Geographic range*); số lượng quần thể ước tính ít hơn 2.500 cá thể trưởng thành (*population estimated to number fewer than 2.500 mature individuals*); xác suất tuyệt chủng trong tự nhiên ít nhất là 20% trong vòng 20 năm hoặc 5 thế hệ, tùy theo thời gian nào dài hơn (tối đa là 100 năm).

*Loài quý* (*precious species*) là những loài có giá trị cao, cần được bảo vệ một cách nghiêm ngặt để tránh việc khai thác và đối xử một cách bừa bãi. Yếu tố “giá trị” khiến các loài sinh vật quý luôn được liệt kê trong Sách Đỏ (Red List) với vai trò là những loài nguy

---

<sup>1</sup> Từ điển Tiếng Việt (2013), *Bảo tồn*, Nxb Đà Nẵng (tái bản lần thứ V), tr.53.

<sup>2</sup> Từ điển Tiếng Việt (2013), *Bảo vệ*, Nxb Đà Nẵng (tái bản lần thứ V), tr.53.

<sup>3</sup> Wikipedia, *Nguy cấp*, [https://vi.wikipedia.org/wiki/Lo%C3%A0i\\_nguy\\_c%E1%BA%A5p](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lo%C3%A0i_nguy_c%E1%BA%A5p), Truy cập ngày 18/9/2018.

cấp, có nguy cơ tuyệt chủng trong tương lai gần với mức độ quan tâm hàng đầu. Khái niệm *loài quý* cũng vì những lý do trên mà thường không tồn tại một cách độc lập mà đi đôi với thuật ngữ *loài hiếm* (*rare species*)<sup>4</sup>. *Loài hiếm* là tập hợp các loài thường không phổ biến (*uncommon*), hiếm thấy (*scarce*) và không dễ gì bắt gặp (*infrequently encountered*). *Loài hiếm* được phân định dựa trên yếu tố tần suất bắt gặp chúng trong tự nhiên, ngoài ra hầu như không có một tiêu chí cụ thể nào để thống nhất liệt kê một loài là loài hiếm mà nó tùy thuộc vào sự phân loại của các quốc gia. IUCN sử dụng thuật ngữ *hiếm* cho những loài được phát hiện sống trong những vị trí địa lý mang tính biệt lập (*isolated geographical*). Chúng không bị đe dọa nhưng được xếp loại là *có nguy cơ* (*at risk*). *Loài hiếm* cần được phân biệt rõ với *loài nguy cấp*, bởi chúng không đồng nhất với nhau. Một loài sinh vật được xem là nguy cấp hoặc thậm chí bị đe dọa cũng không thể mặc định chúng là loài hiếm được nếu chúng có một quần thể lớn và phân tán (*a large and dispersed population*). Luật ĐDSH 2008 cũng đã đặt ra những điều chỉnh tương tự về “*Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*”, theo đó thống nhất xác định loài động vật nguy cấp, quý, hiếm dựa trên 2 yếu tố: tính giá trị của loài và sự suy giảm đáng kể về số lượng loài.

Từ đó, có thể hiểu *loài động vật nguy cấp, quý, hiếm* là những loài động vật có số lượng ít và đứng trước nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng trong tương lai gần, mang những giá trị cho khoa học bảo tồn và chọn giống; có giá trị sinh lợi cao khi thương mại hóa; đóng vai trò là nguyên liệu trực tiếp hoặc điều chế các sản phẩm y dược; có ý nghĩa trong việc duy trì sự cân bằng của các loài khác trong quần xã hoặc có tính đại diện hay độc đáo của khu vực địa lý tự nhiên; mang những giá trị truyền thống dân tộc và cần thiết đặt trong sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ từ góc độ pháp luật để bảo vệ, giữ vững các giá trị quý giá mà nguồn tài nguyên này mang lại.

## **2. Đánh giá các quy định về bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm**

Pháp luật Việt Nam về bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm hiện nay dù được quan tâm ban hành, nhưng hiệu quả thu được không cao xuất phát từ sự điều chỉnh mang tính rải rác, thiếu hệ thống. Hệ quả là một loạt những điều chỉnh mang tính “xung đột” xảy ra trong các vấn đề về quản lý, gây nuôi thương mại và cả các chế tài xử phạt đối với hành vi xâm phạm đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, cụ thể:

### **2.1. Thực trạng pháp luật về quản lý các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm**

Một là, tồn tại sự trùng lặp về danh mục các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm được quy định cụ thể lần lượt tại Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Nghị định 32/2006/NĐ-CP về

<sup>4</sup> Encyclopedia.com, *Rare species*, <https://www.encyclopedia.com/environment/encyclopedias-almanacs-transcripts-and-maps/rare-species>, Truy cập ngày 18/9/2018.

quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Giữa hai danh mục này có sự ghi nhận trùng lặp với nhau về 69 loài động vật và 11 loài thực vật, ngoài ra còn điều chỉnh 6 loài trùng với danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Một thời gian dài, các hành vi xâm phạm đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được xử lý bằng chế tài hình sự theo Bộ luật Hình sự (BLHS) 1999, sửa đổi, bổ sung 2009, trong khi các hành vi tác động đến các loài được điều chỉnh bởi Nghị định số 32/2006/NĐ-CP thì áp dụng các biện pháp hành chính để xử lý, các chế tài hình sự chỉ đặt ra đối với các chủ thể vi phạm vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính được điều chỉnh tại Nghị định này. Mặc dù Nghị định số 160/2013/NĐ-CP đã thống nhất cách thức xử phạt tương tự cho các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, tuy vậy, đặt trong trường hợp vi phạm xảy ra đối với một loài động vật được sự điều chỉnh của cả 2 Nghị định, trên thực tế không ít trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử phạt hành chính thay vì truy cứu trách nhiệm hình sự, đặc biệt trong trường hợp giá trị tang vật không vượt quá 100 triệu đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, Nghị định số 40/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2013/NĐ-CP đã được ban hành, thống nhất bổ sung nội dung tại Khoản 1: “Nghị định này không điều chỉnh đối với động vật rừng, thực vật rừng thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Chính phủ”. Tuy nhiên, cần nhìn nhận tính kém hiệu quả của pháp luật trong lĩnh vực này, gây tác động tiêu cực đến bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

*Hai là, sự thiếu thống nhất trong việc sử dụng các thuật ngữ rừng đặc dụng, khu bảo tồn.* Khoản 1, Điều 4, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004 đã tiến hành phân loại rừng đặc dụng gồm: Vườn quốc gia; khu bảo tồn thiên nhiên gồm khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan gồm khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học. Đối chiếu với quy định tại Điều 16, Luật ĐDSH 2008, khu bảo tồn được phân loại bao gồm: Vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan. Từ các quy định này, có thể thấy pháp luật dường như đang sử dụng những thuật ngữ thiếu đồng nhất với nhau trong việc điều chỉnh khu vực tiến hành bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 thì *khu bảo tồn* là một bộ phận của rừng đặc dụng, xếp ngay dưới vườn quốc gia, bao gồm khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài sinh cảnh. Điều này là thiếu sự “khớp” với quy định về khu bảo tồn và phân loại khu bảo tồn tại Luật ĐDSH 2008. Việc sử dụng các thuật ngữ khu bảo tồn, rừng đặc dụng thiếu thống nhất trong các văn bản pháp luật, gây ra sự khó khăn trong việc làm rõ vấn đề “Liệu rằng, khu bảo tồn chính là một loại rừng đặc dụng hay hai thuật ngữ này là hoàn toàn tách biệt?” Luật Lâm nghiệp 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019, thay thế nội dung Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004 đã tiến hành điều chỉnh lại việc phân loại rừng đặc dụng. Tại Điều 5 đã thống nhất phân thành 5 loại, gồm: Vườn quốc

gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia. Sự điều chỉnh này là cần thiết cho việc nhìn nhận, rừng đặc dụng và khu bảo tồn không phải là bộ phận của nhau mà nó tồn tại tách biệt, riêng rẽ với nhau. Tuy vậy, tính đến thời điểm hiện tại, Luật Lâm nghiệp 2017 mặc dù đã được thông qua nhưng vẫn chưa phát sinh hiệu lực pháp lý vì vậy mà sự thiếu thống nhất về cách sử dụng thuật ngữ vẫn được xem là “nút vướng” trong bảo tồn tài nguyên ĐDSH.

*Ba là*, mâu thuẫn trong cách thức xử lý tang vật tịch thu là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP khi quy định về việc cứu hộ, đưa loài thuộc danh mục loài được ưu tiên bảo vệ vào cơ sở bảo tồn ĐDSH và thả lại nơi sinh sống tự nhiên của chúng ghi nhận trường hợp các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bị mất nơi sinh sống tự nhiên hoặc bị lạc, việc giải quyết tình huống hoặc trả lại môi trường tự nhiên phù hợp trong trường hợp tình trạng sức khỏe của loài ổn định, hoặc đưa loài vào cơ sở cứu hộ để cứu chữa, nuôi dưỡng và chăm sóc đối với trường hợp bị thương, bị bệnh cho đến khi đủ điều kiện tái thả loài về tự nhiên. Cũng điều chỉnh về vấn đề này, Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT ngày 28/8/2008 hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu đặt ra quy định trường hợp tang vật là động vật rừng còn sống thuộc nhóm IB còn sống thì sẽ xử lý bằng việc thả lại nơi cư trú tự nhiên; giao cho Trung tâm Cứu hộ động vật trong trường hợp động vật cần cứu hộ; chuyển giao cho các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống), giáo dục môi trường; bán cho các vườn thú, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở gây nuôi động vật hợp pháp theo quy định của pháp luật hoặc tiêu hủy tang vật là giải pháp cuối cùng sau khi tất cả các giải pháp trên không thể thực hiện được hoặc trường hợp loài động vật mang bệnh. Đối với trường hợp tang vật là động vật rừng còn sống thuộc nhóm IIB, quy định chỉ khác ở việc cho phép cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh động vật rừng hợp pháp được phép mua lại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Như vậy, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP và Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT đã tạo ra sự điều chỉnh thiếu thống nhất trong xử lý tang vật tịch thu là các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT đóng vai trò hướng dẫn thi hành các quy định của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP lại gây ra khó khăn trong thi hành pháp luật khi xảy ra sự trùng lặp về danh mục các loài động vật thuộc đối tượng điều chỉnh của các Nghị định trên. Trong trường hợp này, liệu có thể bán tang vật là các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm cho các chủ thể hợp pháp như quy định tại Thông tư 90/2008/TT-BNNPTNT hay không, hay chỉ được phép thực hiện các cách thức xử lý giới hạn như quy định của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP? Câu hỏi này vẫn còn bỏ ngỏ và chưa được giải quyết thích đáng.

*Bốn là*, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật về giấy phép vận chuyển đặc biệt trong quản lý động vật rừng và thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm. Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2006/NĐ-CP quy định phải bắt buộc có giấy phép vận chuyển đặc biệt khi tiến hành vận chuyển động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng ra ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Giấy phép này do cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh cấp. Điều 4 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 đã đặt ra quy định chặt chẽ hơn đối với vấn đề giấy phép vận chuyển đặc biệt, mở rộng phạm vi thay vì chỉ yêu cầu giấy phép này khi vận chuyển ra khỏi phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Thông tư trao thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt cho Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm nơi có lâm sản, trường hợp nơi có lâm sản không có Hạt Kiểm lâm thì Chi cục Kiểm lâm sẽ được trao quyền cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt. Thông tư này sau đó được tiến hành sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016, tuy nhiên quy định về giấy phép vận chuyển đặc biệt vẫn được giữ nguyên nội dung điều chỉnh. Như vậy, quy định về thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt đã xảy ra sự thiếu thống nhất giữa Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT. Cụ thể, 2 văn bản này chỉ thống nhất ở quy định trách nhiệm này thuộc về cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hay cụ thể là Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh. Tuy vậy, Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT ưu tiên trao quyền cho Hạt Kiểm lâm, là cơ quan Kiểm lâm được tổ chức ở cấp huyện, quyền này chỉ hợp pháp thuộc về Chi cục Kiểm lâm khi nơi có lâm sản không có Hạt Kiểm lâm được thành lập.

Chưa dừng lại ở đó, Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 4/1/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản lại bỏ quy định về giấy phép vận chuyển đặc biệt. Nội dung Thông tư tuyệt nhiên không có quy định nào về giấy phép vận chuyển đặc biệt, thay vào đó là quy định về việc yêu cầu phải có phiếu xuất kho nội bộ và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền. Điều này đã tạo ra sự mâu thuẫn với các văn bản trước đó về giấy phép vận chuyển đặc biệt, trong khi đây là nội dung bắt buộc phải có để chứng minh nguồn gốc hợp pháp của lâm sản trong quá trình vận chuyển và lưu thông theo quy định của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Về nguyên tắc áp dụng pháp luật, trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn nghĩa là quy định về giấy phép vận chuyển đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP sẽ được ưu tiên áp dụng, dù vậy, cần nhìn nhận tính kém hiệu quả trong quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

## ***2.2. Pháp luật về gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm***

*Một là*, sự hạn chế của pháp luật trong quy định về gây nuôi và buôn bán thương mại

các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP đã hợp pháp hóa hành vi gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, hướng đến thực hiện cùng lúc mục tiêu phát triển kinh tế và bảo tồn có hiệu quả các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Trong khi dưới góc độ các chủ cơ sở bảo tồn ĐDSH, lợi nhuận thu được từ việc thương mại hóa các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm vẫn là vấn đề quan trọng hàng đầu, khi lợi nhuận từ buôn bán các loài ĐVHD ngang hàng với ma túy và vũ khí<sup>5</sup>. Việc chế biến, kinh doanh vì mục đích thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng như các sản phẩm của chúng cũng được hợp pháp hóa bởi Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Chính vì lý do lợi nhuận nên việc hợp pháp hóa hành vi gây nuôi và buôn bán thương mại thực sự là quy định đáng lo ngại, đe dọa trực tiếp đến sự tuyệt chủng của các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trong tự nhiên. Đây cũng chính là yếu tố gây ra những lo ngại đến tính khả thi cũng như hiệu quả bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT. Mặc dù quy định cách thức xử lý tịch thu đối với các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp, tuy nhiên vì lý do lợi nhuận mà đa phần tiến hành việc bán lại các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị tịch thu cho các chủ thể hợp pháp. Điều này làm dấy lên mối nguy về việc hợp pháp hóa hành vi mua bán các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, là quy định “tiếp tay” và “tạo điều kiện” cho việc lưu thông, vận chuyển các loài này trên thị trường. Quy định này cần thiết phải được thiết lập song song cùng với một cơ chế quản lý đủ mạnh và hiệu quả để có thể kìm hãm, duy trì yếu tố lợi nhuận trong thế cân bằng với yêu cầu bảo tồn ĐDSH, hướng đến sự phát triển bền vững.

*Hai là*, khó khăn trong xác định thẩm quyền cấp giấy phép gây nuôi các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Điều 13, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP đã trao thẩm quyền cấp giấy phép nuôi trồng các loài này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong khi đó, tại Điều 8 của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP điều chỉnh về việc phát triển thực vật và động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, hoạt động này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Theo quy định tại Nghị định này, thẩm quyền cấp phép đối với việc nuôi sinh sản và sinh trưởng các loài sinh vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc về cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Trường hợp một loài động vật vừa thuộc danh mục loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, lại vừa thuộc các danh mục của Công ước CITES thì thẩm quyền cấp giấy phép đối với việc gây nuôi loài đó sẽ thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hay cơ quan khoa học CITES Việt Nam? Quy định này bỏ ngỏ khả năng thực thi trên thực tế thẩm quyền cấp giấy phép đối với việc gây nuôi các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

<sup>5</sup> Vov.vn, Buôn bán động vật hoang dã thu lời ngang ma túy?, <https://vov.vn/phap-luat/buon-ban-dong-vat-hoang-da-thu-loi-ngang-ma-tuy.vov>, Truy cập ngày 20/9/2018.

### **2.3. Pháp luật về xử lý vi phạm trong bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm**

Việc xử lý hành chính các hành vi vi phạm đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm hiện nay được thống nhất áp dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Điều 60 của Luật này đã định hướng việc xác định khung tiền phạt và thẩm quyền xử phạt thông qua việc định giá tang vật vi phạm hành chính. Trong khi Nghị định số 32/2006/NĐ-CP đã ngăn cấm hoàn toàn việc khai thác, sử dụng vào mục đích thương mại các loài thuộc nhóm IB vì vậy mà không thể tồn tại giá cả niêm yết, giá trên hợp đồng hay giá tại địa phương, làm cơ sở cho việc định giá được tiến hành thuận lợi. Dù Luật đã tạo hướng mở trong định giá tang vật vi phạm thông qua Hội đồng định giá, tuy nhiên quy định này chỉ mang tính “gỡ rối” chứ không mang tính khả thi bởi lẽ việc định giá trong hoàn cảnh này là hoàn toàn không có căn cứ thực tế mà chỉ xuất phát từ những nhận định chủ quan của Hội đồng định giá. Định giá tang vật vi phạm là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm làm căn cứ xử lý hành chính rõ ràng là quy định “giấy”, không có tính khả thi khi nó tồn tại điều chỉnh mâu thuẫn với Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

Việc truy cứu các trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong bảo tồn ĐDSH trước khi BLHS 2015 chính thức phát sinh hiệu lực pháp lý được thống nhất áp dụng theo quy định tại BLHS 1999. Cùng với sự ra đời của văn bản này, Thông tư Liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đã ra đời và vẫn còn hiệu lực áp dụng cho đến nay. Pháp luật thay vì đặt ra các quy định định lượng cụ thể lại được điều chỉnh thông qua những tiếp cận mang tính định tính thiếu rõ ràng, khiến các cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn khi thực tế rất nhiều trường hợp không thể tiến hành giải quyết mà đành chỉ xét xử các vụ án trên thực tế liên quan đến việc vận chuyển, buôn bán ngà voi, sừng tê giác... Cụ thể, BLHS 1999 quy định về việc tăng nặng hình phạt đối với hành vi vi phạm “hàng phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc thu lợi bất chính rất lớn” hay “hàng phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc thu lợi bất chính đặc biệt lớn” cho đến nay, vẫn chưa có một văn bản nào giải thích tường minh về nội dung này. Dù đã được điều chỉnh tại Thông tư liên tịch số 19/2007, tuy nhiên việc hiểu và thực thi các quy định này vẫn “vô định hướng”. Bên cạnh việc quy định về hành vi săn bắt, vận chuyển, buôn bán các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng, việc xác định giá trị của đối tượng vi phạm khi được thương mại hóa là yếu tố bắt buộc phải có. Như đã trình bày, pháp luật cấm hoàn toàn việc khai thác và thương mại hóa các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB, vì vậy không thể đáp ứng quy định về định giá tài sản vi phạm đối với các loài động vật thuộc nhóm IB được. Những điều chỉnh mang tính đối lập được pháp luật ghi nhận đã đẩy sự sống của các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm đến “ngõ cụt”, đóng vai trò là nguyên nhân phổ biến khiến hầu hết các vụ việc liên quan không xử lý được. Trên thực tế, dù không được BLHS ghi nhận nhưng hành vi chế biến các sản phẩm của động vật, điển hình như hành vi

nấu cao hồ vẫn phải tiến hành việc truy cứu trách nhiệm hình sự do tính chất nguy hiểm của hành vi. Tuy nhiên, xét về bản chất, có thể xem đây là việc “áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự đối với các hành vi không bị pháp luật hình sự coi là tội phạm”.

Đặt trong bối cảnh số lượng các loài bị đe dọa tuyệt chủng ngày một tăng lên và chưa có dấu hiệu chững lại, BLHS 2015 được tiến hành chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp vào năm 2017 chính là hướng đi đúng đắn trong việc đáp ứng các nhu cầu của thời đại mới. BLHS mới đã khắc phục được những hạn chế của BLHS trước đó theo hướng quy định rõ về “Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm” và “Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm” thay vì nhập thành một tội như trước đây. Căn cứ thực hiện sự điều chỉnh này xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi, từ đó mà mức phạt tiền, thời hạn phạt tù có thời hạn cũng như các hình phạt bổ sung cũng được quy định một cách chặt chẽ và phù hợp hơn. BLHS 2015 cũng lần đầu đặt ra trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân thương mại vi phạm, xuất phát từ nhìn nhận về khả năng bỏ lọt tội phạm gây ra những tác hại tiêu cực trên thực tế trong một thời gian rất dài. Mức phạt tiền tối đa đối với các chủ thể này lên đến 9 tỷ đồng, trong khi hình phạt bổ sung có thể là hình phạt tiền lên đến 200 triệu đồng, cấm hoạt động, cấm kinh doanh có thời hạn... Khắc phục những yếu tố định tính mơ hồ của văn bản Luật trước đó, BLHS 2015 đã thống nhất tiếp cận về tình tiết “*hàng cấm có giá trị lớn*” hoặc “*thu lợi bất chính lớn*” bằng những quy định định lượng cụ thể. Thay vì quy định về định giá tang vật vi phạm như trước đây, BLHS đã tiếp cận những quy định định lượng về khối lượng các bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của loài, sản phẩm của loài động vật bị vi phạm cũng như những quy định cụ thể về số lượng các cá thể loài động vật bị vi phạm. Quy định này đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc giải quyết triệt để các hành vi vi phạm về việc vận chuyển, tàng trữ trái phép các sản phẩm gắn liền với động vật cũng như các sản phẩm của chúng như ngà voi, sừng tê giác. BLHS 2015 cũng nâng mức xử phạt đối với hành vi tác động tiêu cực đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm lên tối đa 2 tỷ đồng, thời hạn phạt tù lên tối đa đến 15 năm. Tăng mức phạt tiền tối đa gấp đôi so với mức 100 triệu đồng như trước đây, bổ sung chế tài đối với pháp nhân thương mại vi phạm với những quy định nghiêm khắc. Mặc dù tồn tại những quy định tích cực hơn, tuy vậy, tính đến nay thời gian áp dụng những quy định của BLHS mới vào việc bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật vẫn chưa đến 01 năm. Sẽ cần một thời gian nữa để các quy định của pháp luật hình sự điều chỉnh về việc quản lý và bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm đi vào thực tiễn đời sống, lúc đó việc đưa ra những đánh giá, nhận định sẽ hợp lý và xác đáng hơn.

### **3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm**

#### **3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm**

*Một là, điều chỉnh sự trùng lặp về danh mục các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*

Cần thay thế Nghị định số 32/2006/NĐ-CP bằng một Nghị định khác với những điều chỉnh mang tính phù hợp hơn để đảm bảo tính hiệu quả cao hơn đối với việc bảo tồn các loài động vật rừng, nguy, cấp, quý, hiếm. Trong nội dung của văn bản sửa đổi, bổ sung, cần đặt ra những cơ chế đặc thù đối với việc điều chỉnh các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm với hệ thống các biện pháp chế tài nghiêm khắc, quan tâm ban hành danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sao cho tách biệt với danh mục các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, bởi xét về bản chất, cơ chế bảo tồn đối với các loài được ưu tiên bảo vệ phải được thiết lập ở một mức độ cao hơn và riêng biệt hơn. Ngoài ra, cần quy định cụ thể về hoạt động quan trắc, điều chỉnh, theo dõi sát sao về số lượng các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, đảm bảo sự điều chỉnh danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ định kỳ xuất phát từ căn cứ thực tiễn rõ ràng.

*Hai là, thống nhất tiếp cận thuật ngữ rừng đặc dụng và khu bảo tồn*

Tiếp cận tính hạn chế trong các thuật ngữ được sử dụng, Luật Lâm nghiệp 2017 ra đời, chính thức có hiệu lực pháp lý kể từ ngày 01/01/2019 đã mang đến những điều chỉnh phù hợp hơn về rừng đặc dụng, theo hướng không còn ghi nhận khu bảo tồn là một bộ phận của rừng đặc dụng nữa. Cùng với sự điều chỉnh hợp lý mà Luật Lâm nghiệp mang lại, trong tương lai khi tiến hành sửa đổi nội dung Luật ĐDSH 2008, cần thống nhất áp dụng thuật ngữ rừng đặc dụng để tránh những hiểu lầm không đáng có, tạo ra sự đồng bộ và thống nhất trong việc hiểu và vận dụng một cách chính xác trên thực tế.

*Ba là, điều chỉnh thống nhất về vấn đề xử lý tịch thu các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm theo hướng ngăn cấm việc bán lại cho các cá nhân, tổ chức khác như quy định của pháp luật hiện hành*

Cần tạo ra sự điều chỉnh mang tính thống nhất giữa Nghị định số 160/2013/NĐ-CP và Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT về phương án xử lý tịch thu các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm là đối tượng của các hành vi vi phạm xảy ra. Theo đó, chỉ đặt ra việc thực hiện bằng các biện pháp: thả loài về với môi trường tự nhiên; cứu hộ loài và trả về môi trường tự nhiên trong trường hợp cá thể loài không đảm bảo sức khỏe; bán cho các vườn thú hợp pháp hoặc tiến hành tiêu hủy theo cách thức nhân đạo đối với các loài mang mầm bệnh hoặc không thể cứu chữa được, không tiếp tục quy định việc bán lại các loài này cho các đơn vị biểu diễn nghệ thuật, hoặc các tổ chức, cá nhân kinh doanh động vật rừng hợp pháp bởi quy định này sẽ tạo cơ hội cho hành vi lưu thông hợp pháp các loài động vật hoang dã, thậm chí là các loài nguy cấp, quý, hiếm trên thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo tồn sự sống cho các loài.

*Bốn là, quy định thống nhất về giấy phép vận chuyển đặc biệt và thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt*

Về lâu dài, nên thống nhất về việc có tiếp tục giữ quy định về giấy phép vận chuyển đặc

biệt hay không, hay tiến hành loại bỏ và thay thế bằng một loại giấy phép khác với mục đích tương tự? Dù việc hoàn thiện pháp luật trong tương lai có thay đổi về tên gọi của thủ tục hành chính trong quản lý và bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong quá trình vận chuyển chúng, tuy nhiên vẫn nên duy trì hệ thống giấy phép trong quá trình vận chuyển để đảm bảo nắm chắc và xác định một cách tường minh về nguồn gốc phát sinh của các loài động vật và sản phẩm của chúng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi đối tượng vận chuyển không phải là các loài động vật thông thường mà là các loài thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm, vốn dĩ luôn đặt trong tình trạng đối mặt với những đe dọa tuyệt chủng. Đối với vấn đề thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt, cần thống nhất trao cho Chi cục Kiểm lâm, vừa giúp giải quyết vấn đề xung đột trong thẩm quyền như hiện nay vừa đảm bảo sự quản lý về nguồn tài nguyên ĐDSH một cách toàn diện và thống nhất theo chiều dọc.

### ***3.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm theo hướng ngăn cấm hoặc hạn chế việc gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm***

Nên ngăn cấm hoàn toàn hoặc nếu vẫn tạo điều kiện cho phép thì chỉ nên hợp pháp hóa hành vi gây nuôi thương mại đối với các loài động vật thông thường. Tính quý, hiếm của các loài động vật được gây nuôi bị loại bỏ sẽ kéo theo là sự giảm xuống một cách đáng kể về giá cả giao dịch trên thị trường, khiến cho các chủ cơ sở gây nuôi không còn quá bận tâm về vấn đề lợi nhuận mà tập trung chủ yếu giải quyết “nguồn cầu” đối với các loài động vật từ xã hội. Quy định này sẽ tác động trực tiếp và điều chỉnh một cách hợp lý về “bài toán kinh tế” cho các chủ cơ sở gây nuôi, vốn dĩ luôn đóng vai trò là sự tác động mang tính hai mặt, là yếu tố trực tiếp chi phối, đe dọa đến sự sống của các loài động vật, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm đang được hướng đến bảo tồn chặt chẽ. Về thẩm quyền cấp giấy phép gây nuôi, cần thống nhất giao cho cơ quan khoa học CITES Việt Nam<sup>6</sup> để đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động quản lý các cơ sở gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và cả những loài thuộc đối tượng điều chỉnh trong các Phụ lục của CITES, bởi lẽ xét về quy mô, cơ quan khoa học CITES được thành lập để bảo tồn các loài động vật thuộc Công ước CITES với những điều chỉnh các vấn đề mang tính rộng rãi hơn, vì vậy mà cũng dễ dàng hơn trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý mang tính quốc tế phát sinh.

<sup>6</sup> Cơ quan khoa học CITES Việt Nam bao gồm Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Nghiên cứu Hải sản thuộc Bộ Thủy sản và Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, được quy định tại Điều 14, Nghị định số 82/2006/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, được trao quyền thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Nghị định này.

***3.3. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm trong bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thông qua việc chú trọng nâng cao tính hiệu quả trong việc điều chỉnh bằng pháp luật về hệ thống chế tài xử phạt các hành vi vi phạm đối với các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm***

Yêu cầu đặt ra đối với việc xử lý hình sự các hành vi vi phạm đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trong thời gian đến cần tập trung thực hiện 2 vấn đề quan trọng: ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của BLHS 2015, thay thế hiệu lực của Thông tư Liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC và áp dụng một cách có hiệu quả các quy định của BLHS 2015 về bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm vào thực tiễn. Đối với các hành vi chế biến các sản phẩm động vật như cao hổ, BLHS hiện hành cũng chưa đặt ra những quy định cụ thể đối với hành vi này. Cách thức giải quyết đề xuất là đặt ra những án lệ, làm khuôn mẫu cho việc xét xử các hành vi vi phạm với cấu thành tội phạm tương tự, góp phần ngăn ngừa, phòng chống tội phạm tiếp tục thực hiện các hành vi gây ra những tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên ĐDSH.

Cần tiến hành điều chỉnh, sửa đổi nội dung định giá tang vật vi phạm trong Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 thông qua việc quy định những tình tiết định lượng như số lượng cá thể vi phạm; giá trị nguồn lợi thu nhập được từ hành vi tác động đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm; khối lượng các loài động vật hoặc các sản phẩm gắn liền với sự sống của các loài bị vi phạm... Những quy định này vừa tạo ra cơ chế phối hợp nhịp nhàng với pháp luật hình sự, vừa đảm bảo việc áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính lên các chủ thể một cách có hiệu quả.

Về lâu dài, cần nghiên cứu, xây dựng văn bản Luật Quản lý và Bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trên cơ sở tập hợp một cách hệ thống các quy định liên quan đến việc bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm còn tồn tại rải rác trong các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Sự ra đời văn bản này với những điều chỉnh mang tính riêng biệt đối với các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm sẽ tạo cơ chế dễ dàng trong nghiên cứu và áp dụng pháp luật trên thực tiễn một cách hiệu quả.

#### **4. Kết luận**

Bảo tồn tài nguyên ĐDSH tại Việt Nam nói chung vẫn là còn là một chặng đường dài. Đứng trước những đòi hỏi ngày càng khắt khe đối với việc bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia dựa trên sự học hỏi kinh nghiệm quốc tế là bước đi đúng đắn trong việc thống nhất và tạo ra sự điều chỉnh mang tính hiệu quả trong các chế định pháp lý. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức và năng lực thực thi pháp luật của cơ quan được trao quyền sẽ tạo ra sự tác động mang mạnh mẽ và vững chắc trong bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, tạo điều kiện thuận lợi cho

việc thực hiện thành công mô hình phát triển bền vững, hướng đến những đảm bảo tốt hơn cho cuộc sống con người.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 30/3/2006.
2. Nghị định số 82/2006/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 10/8/2006.
3. Nghị định số 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, ban hành ngày 11/11/2013.
4. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, Nghị định về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành ngày 12/11/2013.
5. Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA -VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, ban hành ngày 8/3/2007.
6. Thông tư số 90/2008/TT-BNN hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu, ban hành ngày 28/8/2008.
7. Từ điển Tiếng Việt (2013), *Bảo tồn*, Nxb Đà Nẵng, tái bản lần thứ V.
8. Từ điển Tiếng Việt (2013), *Bảo vệ*, Nxb Đà Nẵng, tái bản lần thứ V.
9. Vov.vn, *Buôn bán động vật hoang dã thu lời ngang ma túy?*, <https://vov.vn/phap-luat/buon-ban-dong-vat-hoang-da-thu-loi-ngang-ma-tuy.vov>
10. Wikipedia, *Nguy cấp*,  
[https://vi.wikipedia.org/wiki/Lo%C3%A0i\\_nguy\\_c%E1%BA%A5p](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lo%C3%A0i_nguy_c%E1%BA%A5p)
11. Encyclopedia.com, *Rare species*,  
<https://www.encyclopedia.com/environment/encyclopedias-almanacs-transcripts-and-maps/rare-species>